PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 121/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức và mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật (trong đô

thị, khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở, khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao); quản lý phát triển nhà và công sở.

2. Nghị định này được áp dụng đối với:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quy định tại Khoản 1 Điều này, xảy ra trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác;

b) Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

3. Nghị định này không áp dụng đối với cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức thuộc trường hợp quy định tại Điều 1 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Mọi hành vi vi phạm hành chính phải được phát hiện kịp thời và đình chỉ ngay. Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành kịp thời, công minh, triệt để và đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm nhiều công trình, hạng mục công trình mà chủ đầu tư, nhà thầu có hành vi vi phạm hành chính giống nhau đối với nhiều công trình, hạng mục công trình thì hành vi vi phạm tại mỗi công trình, hạng mục công trình vi phạm được xác định là một hành vi vi phạm hành chính.

Điều 3. Mức phạt tiền

1. Mức phạt tiền tối đa được quy định như sau:

a) Trong lĩnh vực hoạt động xây dựng là 1.000.000.000 đồng;

b) Trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở là 300.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền quy định từ Chương II đến Chương VI Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 21; Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 38 và Khoản 4 Điều 56 Nghị định này.

3. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh bất động sản, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng là 01 năm.

2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, quản lý phát triển nhà và công sở là 02 năm.

3. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:

a) Khi người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện có vi phạm hành chính mà vi phạm hành chính này đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày dự án được bàn giao, đưa vào sử dụng;

b) Khi người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện có vi phạm hành chính mà vi phạm hành chính này đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;

c) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều này. Thời gian cơ quan có thẩm quyền thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

4. Trong thời hiệu quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, nếu tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt của cơ quan có thẩm quyền thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 5. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Các hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 24 tháng.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường;

c) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính;

đ) Buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị (sau đây viết tắt là Nghị định số 180/2007/NĐ-CP);

e) Các biện pháp khác được quy định tại Nghị định này.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Mục 1
ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ

Điều 6. Vi phạm quy định về khảo sát xây dựng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ kết quả khảo sát xây dựng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng không đúng trình tự, thủ tục quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng hoặc không phê duyệt bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng trước khi nhà thầu thực hiện khảo sát xây dựng;

b) Thực hiện khảo sát xây dựng hoặc thuê nhà thầu khảo sát không đủ điều kiện năng lực theo quy định;

c) Không thực hiện giám sát khảo sát xây dựng theo quy định;

d) Không tổ chức nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng;

đ) Thực hiện khảo sát xây dựng không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quy định hoặc thực hiện khảo sát không phù hợp với phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng đã được duyệt;

e) Sử dụng bản đồ địa hình không đáp ứng yêu cầu cho việc lập quy hoạch đô thị phù hợp với từng loại đồ án quy hoạch đô thị;

g) Không thực hiện khảo sát đo đạc bổ sung trong trường hợp bản đồ địa hình không phù hợp với hiện trạng tại thời điểm lập quy hoạch xây dựng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện khảo sát đo đạc bổ sung và điều chỉnh lại quy hoạch xây dựng theo kết quả khảo sát đo đạc bổ sung đối với hành vi quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ kết quả khảo sát đối với hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 3 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về lưu trữ, điều chỉnh quy hoạch xây dựng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều chỉnh quy hoạch xây dựng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quy định, quy hoạch phân khu không phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết không phù hợp với quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết có tỷ lệ lớn hơn không phù hợp với quy hoạch chi tiết có tỷ lệ nhỏ hơn đã được phê duyệt;

b) Điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư phát triển đô thị mà không điều chỉnh đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ và lập lại quy hoạch xây dựng điều chỉnh đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về lập dự án đầu tư xây dựng công trình

Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà không đủ điều kiện năng lực theo quy định;

2. Không tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng đối với công trình theo quy định bắt buộc phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình;

3. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình không đầy đủ nội dung theo quy định.

Điều 9. Vi phạm quy định về thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình không đúng trình tự, thủ tục quy định;

b) Không thẩm định lại theo quy định khi điều chỉnh thiết kế xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

c) Điều chỉnh thiết kế xây dựng làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án hoặc làm vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt mà không trình người quyết định đầu tư thẩm định, phê duyệt lại nội dung điều chỉnh đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

d) Phê duyệt thiết kế kỹ thuật không phù hợp với thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công không phù hợp với thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt;

đ) Phê duyệt dự toán có khối lượng không phù hợp với khối lượng bản vẽ thiết kế;

e) Phê duyệt thiết kế không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quy định; sử dụng tiêu chuẩn xây dựng hết hiệu lực; sử dụng tiêu chuẩn nước ngoài mà chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

g) Không tổ chức lập, phê duyệt chỉ dẫn kỹ thuật đối với công trình buộc phải lập chỉ dẫn kỹ thuật;

h) Phê duyệt chỉ dẫn kỹ thuật không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt;

i) Phê duyệt thiết kế an toàn quá mức cần thiết theo quy định đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

k) Không tổ chức nghiệm thu hoặc tổ chức nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi thiết kế xây dựng công trình hoặc thuê nhà thầu thiết kế xây dựng công trình không đủ điều kiện năng lực theo quy định.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phê duyệt biện pháp tổ chức thi công không đảm bảo tính kinh tế - kỹ thuật, tính toán cự ly vận chuyển, phương tiện vận chuyển không phù hợp thực tế làm tăng chi phí trong dự toán đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

b) Phê duyệt dự toán có nội dung áp dụng mã định mức không phù hợp với nội dung công việc; số liệu sai lệch so với nội dung mã định mức áp dụng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

c) Phê duyệt dự toán có nội dung áp dụng định mức chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà định mức đó cao hơn định mức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

d) Phê duyệt dự toán khi không có bản vẽ thiết kế các công trình phụ trợ, công trình tạm phục vụ công trình chính nhưng đưa khối lượng các công trình này vào dự toán để tính chi phí xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả (áp dụng đối với cả trường hợp đã tổ chức đấu thầu):

a) Buộc lập, thẩm định, phê duyệt lại thiết kế, dự toán hoặc giá gói thầu có vi phạm theo đúng quy định của Nhà nước làm cơ sở phê duyệt lại giá chỉ định thầu hoặc giá trúng thầu đối với hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều này;

b) Buộc thiết kế, thanh toán, quyết toán lại theo đúng quy định đối với công trình sử dụng vốn nhà nước.

Điều 10. Vi phạm quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thành lập hoặc thành lập ban quản lý dự án không đủ điều kiện năng lực theo quy định;

b) Không thuê tổ chức làm tư vấn quản lý dự án trong trường hợp không đủ điều kiện năng lực theo quy định hoặc thuê tổ chức làm tư vấn quản lý dự án không đủ điều kiện năng lực theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng không đúng quy định đối với công trình sử dụng vốn nhà nước.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc điều chỉnh lại dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về đầu tư phát triển đô thị

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không giám sát hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm giám sát theo quy định đối với việc thực hiện quy hoạch, tiến độ dự án đầu tư phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện đầu tư phát triển khu đô thị không tuân theo kế hoạch và tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không bàn giao dự án theo tiến độ đã được phê duyệt.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện đầu tư phát triển khu đô thị đảm bảo kế hoạch và tiến độ được duyệt đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về khởi công xây dựng công trình

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không gửi văn bản thông báo ngày khởi công cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình và cơ quan cấp giấy phép xây dựng theo quy định;

b) Không gửi văn bản phê duyệt biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng và công trình lân cận đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình trước khi khởi công xây dựng công trình;

c) Không phê duyệt biện pháp tổ chức thi công theo quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khởi công xây dựng công trình khi chưa đủ điều kiện khởi công. Trường hợp khởi công xây dựng công trình khi chưa có giấy phép xây dựng đối với công trình theo quy định phải có giấy phép xây dựng thì xử phạt theo quy định tại Khoản 6 Điều 13 Nghị định này.

3. Vi phạm quy định về lễ động thổ, lễ khởi công, lễ khánh thành công trình xây dựng được xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 13. Vi phạm quy định về tổ chức thi công xây dựng

1. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không che chắn hoặc có che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh hoặc để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ hoặc công trình xây dựng khác không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm các quy định về xây dựng gây lún, nứt, hư hỏng công trình lân cận hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ nông thôn hoặc công trình xây dựng khác không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

3. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình sai giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp phép sửa chữa, cải tạo như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn hoặc công trình xây dựng khác không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

4. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm công tác quản lý chất lượng công trình gây sụp đổ hoặc có nguy cơ gây sụp đổ công trình lân cận mà không gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người khác như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn hoặc công trình xây dựng khác không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

5. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp phép xây dựng mới như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn hoặc xây dựng công trình khác không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

6. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn hoặc xây dựng công trình khác không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng;

b) Xây dựng công trình sai thiết kế được phê duyệt hoặc sai quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình xây dựng được miễn giấy phép xây dựng.

8. Đối với hành vi quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này, sau khi có biên bản vi phạm hành chính của người có thẩm quyền mà vẫn tái phạm thì tùy theo mức độ vi phạm, quy mô công trình vi phạm bị xử phạt từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng và bị tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng (nếu có).

9. Hành vi quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6 và Điểm b Khoản 7 Điều này mà không vi phạm chỉ giới xây dựng, không gây ảnh hưởng các công trình lân cận, không có tranh chấp, xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính, còn bị buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được bằng 40% giá trị phần xây dựng sai phép, không phép đối với công trình là nhà ở riêng lẻ và bằng 50% giá trị phần xây dựng sai phép, không phép, sai thiết kế được phê duyệt hoặc sai quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế đô thị được duyệt đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng hoặc công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình. Sau khi chủ đầu tư hoàn thành việc nộp phạt thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng.

10. Hành vi quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này mà không thuộc trường hợp xử lý theo quy định tại Khoản 9 Điều này thì bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP.

Điều 14. Vi phạm quy định về giải phóng mặt bằng xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức giải phóng mặt bằng sai quy hoạch xây dựng hoặc dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt;

b) Thực hiện đền bù tài sản để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình sai quy định;

c) Áp dụng giá đền bù sai quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc điều chỉnh lại giá đền bù theo quy định đối với hành vi quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về giám sát thi công xây dựng công trình

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không treo biển báo tại công trường thi công hoặc biển báo không đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Không lưu trữ hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia giám sát chất lượng công trình.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình không đủ điều kiện năng lực theo quy định;

b) Để nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình bố trí nhân lực không phù hợp với hồ sơ dự thầu;

c) Năng lực thực tế về nhân lực, thiết bị thi công, hệ thống quản lý chất lượng, giấy phép sử dụng máy móc thiết bị, chất lượng vật tư vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình của nhà thầu thi công xây dựng không đáp ứng yêu cầu trong hồ sơ dự thầu;

d) Không có biên bản kiểm tra biện pháp thi công của nhà thầu; không đóng dấu xác nhận vào bản vẽ thiết kế trước khi đưa ra thi công hoặc có đóng dấu nhưng không ghi nội dung (xác nhận chữ ký, xác nhận ngày, tháng) đầy đủ vào bản vẽ thiết kế thi công trước khi đưa ra thi công.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức giám sát thi công xây dựng khi không đủ điều kiện năng lực theo quy định; thuê tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình không đủ điều kiện năng lực theo quy định; không tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định (trừ nhà ở riêng lẻ);

b) Để nhà thầu thi công thi công sai thiết kế được duyệt; thi công không đúng với biện pháp tổ chức thi công được duyệt;

c) Để nhà thầu thi công không có bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc bảo lãnh không đủ theo quy định; không gia hạn bảo lãnh hợp đồng khi đến thời hạn gia hạn bảo lãnh hợp đồng.

Điều 16. Vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình cho các nhà thầu liên quan;

b) Không gửi cơ quan có thẩm quyền báo cáo hoàn thành đưa công trình xây dựng vào sử dụng theo quy định;

c) Không gửi báo cáo định kỳ tình hình chất lượng công trình xây dựng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

d) Không tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng;

đ) Không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng để kiểm tra theo quy định đối với công trình phải được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định khi xảy ra sự cố công trình;

b) Không tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố công trình hoặc tự ý phá dỡ, thu dọn hiện trường khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

c) Không lập hồ sơ sự cố công trình theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ chất lượng công trình xây dựng theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng kết quả thí nghiệm của phòng thí nghiệm chưa hợp chuẩn, phiếu kết quả thí nghiệm lập không đúng quy định hoặc thiếu các kết quả thí nghiệm theo quy định.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện kiểm định chất lượng hoặc kiểm định chất lượng công trình xây dựng không đúng quy định;

b) Không sử dụng vật liệu xây không nung đối với công trình bắt buộc sử dụng vật liệu xây không nung.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để thẩm tra thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình theo quy định phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra thiết kế.

7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình sai thiết kế đã được duyệt hoặc sai quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc sai tiêu chuẩn được quy định áp dụng.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ kết quả thí nghiệm và thực hiện thí nghiệm hoặc thí nghiệm lại theo quy định đối với hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Buộc thực hiện kiểm định hoặc kiểm định lại chất lượng công trình xây dựng đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này;

c) Buộc sử dụng vật liệu xây không nung theo quy định đối với phần còn lại của công trình đang xây dựng đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này;

d) Buộc phá dỡ theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP đối với phần thi công xây dựng sai thiết kế hoặc không đảm bảo chất lượng đối với hành vi quy định tại Khoản 7 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về bảo hành, bảo trì công trình xây dựng

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tổ chức giám sát, nghiệm thu việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng;

b) Không xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định;

b) Không thực hiện bảo trì công trình theo đúng quy trình bảo trì công trình xây dựng được duyệt;

c) Không lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình;

d) Không báo cáo theo quy định với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền việc thực hiện bảo trì công trình và sự an toàn của công trình đối với công trình từ cấp II trở lên và các công trình khi xảy ra sự cố có thể gây thảm họa;

đ) Không thực hiện kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình đối với công trình đã hết tuổi thọ thiết kế quy định;

e) Không thực hiện quan trắc công trình đối với công trình, bộ phận công trình theo quy định bắt buộc phải thực hiện quan trắc.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì trước khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Buộc thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quy định đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Để cán bộ giám sát thi công của nhà thầu giám sát ký các tài liệu trong hồ sơ nghiệm thu mà không có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình hoặc chứng chỉ không phù hợp với nội dung nghiệm thu;

b) Nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng khi chưa có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thiếu bảng tính khối lượng trong hồ sơ nghiệm thu.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có chứng chỉ vật liệu đầu vào, kết quả thí nghiệm vật liệu và các cấu kiện theo quy định trong hồ sơ nghiệm thu.

4. Phạt tiền đối với hành vi quyết toán công trình chậm kể từ khi hạng mục công trình, công trình xây dựng đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác sử dụng như sau:

a) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp chậm quá 12 tháng đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng trong trường hợp chậm quá 09 tháng đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án nhóm B;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp chậm quá 06 tháng đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án nhóm C;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp chậm quá 03 tháng đối với công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thanh toán khi chưa có đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi đưa các hạng mục công trình xây dựng hoàn thành, công trình xây dựng hoàn thành vào sử dụng khi chưa tổ chức nghiệm thu.

7. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nghiệm thu khi chưa có khối lượng thi công hoặc nghiệm thu sai khối lượng thi công thực tế;

b) Công trình đã nghiệm thu nhưng không đảm bảo về chất lượng theo hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn thành công trình.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung đầy đủ các tài liệu trong hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ thanh toán theo quy định đối với hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 5 Điều này;

b) Buộc tổ chức nghiệm thu lại theo thực tế khối lượng thi công đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều này;

c) Buộc khắc phục chất lượng công trình phù hợp với hồ sơ thiết kế đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều này;

d) Buộc thu hồi số tiền đã nghiệm thu và thanh toán sai đối với hành vi quy định tại Khoản 7 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi để nhà thầu nước ngoài thực hiện công việc khi chưa được cấp giấy phép thầu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lựa chọn nhà thầu nước ngoài không đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc.

3. Hành vi vi phạm quy định về lựa chọn nhà thầu xây dựng bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đấu thầu.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin cấp giấy phép thầu đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện đúng quy định về điều kiện năng lực theo công việc được giao đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của nhà thầu tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

Trường hợp chủ đầu tư thuê nhà thầu tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình thì hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt đối với nhà thầu tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình như đối với chủ đầu tư.

Mục 2
ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Điều 21. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động vượt quá điều kiện năng lực hành nghề theo quy định; hoạt động sai chứng chỉ hành nghề; hoạt động không có chứng chỉ hành nghề;

b) Kê khai khống năng lực vào hồ sơ năng lực để xin cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân có hành vi mượn, cho mượn, thuê, cho thuê chứng chỉ hành nghề để hoạt động xây dựng.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giao cho người không có chứng chỉ hành nghề hoặc không đủ điều kiện năng lực tương ứng với loại, cấp công trình đảm nhận đối với các chức danh: Chủ nhiệm đồ án thiết kế quy hoạch xây dựng, chủ trì thiết kế chuyên ngành đồ án quy hoạch xây dựng, chủ nhiệm đồ án quy hoạch đô thị, chủ trì bộ môn chuyên ngành quy hoạch đô thị, chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ trì thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, chủ nhiệm thiết kế xây dựng công trình, chủ trì thiết kế, giám sát khảo sát xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình, chủ nhiệm lập dự án, giám

đốc tư vấn quản lý dự án, giám đốc quản lý dự án, chỉ huy trưởng công trường, chủ trì thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng, chủ trì tổ chức thực hiện công tác kiểm định, chủ trì lập dự toán công trình, chủ trì thẩm tra dự toán, chủ trì thẩm định dự toán, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và các chức danh khác theo quy định;

b) Không ban hành quyết định bổ nhiệm các chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế đồ án quy hoạch xây dựng; chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ trì lập dự toán công trình và các chức danh khác theo quy định;

c) Hoạt động xây dựng vượt quá điều kiện năng lực theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề từ 6 tháng đến 12 tháng đối với cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 (trừ hành vi hoạt động không có chứng chỉ hành nghề), Khoản 2 Điều này.

Điều 22. Vi phạm nội dung hồ sơ dự thầu

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với nhà thầu không đáp ứng đủ năng lực theo hồ sơ thầu, bố trí người, trang thiết bị, đưa vật liệu vào sử dụng trong công trình không đúng với hồ sơ dự thầu.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện đúng cam kết trong hồ sơ dự thầu và các quy định về lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng đối với phần việc tiếp theo.

Điều 23. Vi phạm quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng, sử dụng số liệu, tài liệu trong hoạt động xây dựng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiêu chuẩn nước ngoài mà chưa được người quyết định đầu tư chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng kết quả thí nghiệm của phòng thí nghiệm chưa hợp chuẩn hoặc thiếu các kết quả thí nghiệm theo quy định; sử dụng phiếu kết quả thí nghiệm lập không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng số liệu, tài liệu thiếu căn cứ pháp lý.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng hoặc sử dụng sai quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn xây dựng được quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy kết quả thí nghiệm của phòng thí nghiệm chưa hợp chuẩn hoặc số liệu, tài liệu thiếu căn cứ pháp lý đối với hành vi quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về khảo sát xây dựng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát chưa hợp chuẩn hoặc không phù hợp với công việc khảo sát;

b) Không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình xây dựng, bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan khu vực khảo sát;

c) Phiếu kết quả thí nghiệm không có chữ ký của trưởng phòng thí nghiệm và chữ ký của nhân viên thí nghiệm, dấu pháp nhân của cơ sở quản lý phòng thí nghiệm theo quy định;

d) Không lưu trữ mẫu khảo sát và tài liệu khảo sát theo quy định;

đ) Không phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát không phù hợp với nhiệm vụ khảo sát xây dựng và tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng;

b) Triển khai khảo sát khi chưa có nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được phê duyệt; vi phạm trình tự khảo sát theo quy định;

c) Không thực hiện đúng nhiệm vụ khảo sát được phê duyệt;

d) Không thực hiện khảo sát theo phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với nhà thầu báo cáo tài liệu, số liệu khảo sát không đúng thực tế khảo sát hoặc không đúng quy định dẫn tới phải điều chỉnh thiết kế.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề từ 6 tháng đến 12 tháng đối với cá nhân có hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Hủy kết quả khảo sát, tài liệu, số liệu khảo sát không đúng thực tế khảo sát hoặc không đúng quy định và hủy phiếu kết quả của phòng thí nghiệm chưa hợp chuẩn.

Điều 25. Vi phạm quy định về công tác lập quy hoạch xây dựng

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thời gian lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập bản vẽ đồ án quy hoạch xây dựng và bản vẽ tổng mặt bằng xây dựng không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng và tỷ lệ quy định;

b) Khung tên bản vẽ không có tên và chữ ký của chủ nhiệm lập đồ án quy hoạch, chủ trì thiết kế các bộ môn, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, dấu của nhà thầu;

c) Không đầy đủ thuyết minh, bản vẽ trong đồ án thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình không thể hiện đầy đủ, chính xác các thông số kỹ thuật và tuân thủ đầy đủ hệ thống ký hiệu bản vẽ theo quy định;

d) Không có hồ sơ thiết kế đô thị hoặc có nhưng không đầy đủ theo quy định;

đ) Không có báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược hoặc có nhưng không đầy đủ theo quy định;

e) Lập quy hoạch phân khu không phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết không phù hợp với quy hoạch phân khu;

g) Không tuân thủ đầy đủ quy chuẩn quy hoạch xây dựng và các tiêu chuẩn thiết kế khác có liên quan.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập lại bản vẽ đồ án quy hoạch xây dựng, bản vẽ tổng mặt bằng xây dựng theo quy định đối với hành vi quy định tại Điểm a, Điểm e và Điểm g Khoản 3 Điều này;

b) Buộc lập hồ sơ thiết kế đô thị, báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định đối với hành vi quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 3 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về lập thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập hồ sơ thiết kế xây dựng không đúng quy định;

b) Thay đổi thiết kế không theo đúng trình tự quy định;

c) Thực hiện hợp đồng giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng do mình thiết kế đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

d) Thực hiện bước thiết kế tiếp theo khi bước thiết kế trước chưa được phê duyệt hoặc không phù hợp với bước thiết kế trước đã được phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chỉ định nhà sản xuất vật liệu, vật tư và thiết bị xây dựng công trình trong hồ sơ thiết kế và dự toán;

b) Không đưa vào thiết kế vật liệu xây không nung đối với công trình bắt buộc sử dụng vật liệu xây không nung;

c) Lập chỉ dẫn kỹ thuật không tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình; thiết kế an toàn quá mức quy định đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

d) Tính toán cự ly vận chuyển, phương tiện vận chuyển không phù hợp thực tế làm tăng chi phí xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

đ) Không tổ chức nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng hoặc tổ chức nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng không đúng quy định;

e) Lập biện pháp tổ chức thi công không đảm bảo tính kinh tế - kỹ thuật, tính toán cự ly vận chuyển, phương tiện vận chuyển không phù hợp thực tế làm tăng chi phí trong dự toán đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

g) Lập dự toán có nội dung áp dụng mã định mức không phù hợp với nội dung công việc; số liệu sai lệch so với nội dung mã định mức áp dụng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

h) Lập dự toán có nội dung áp dụng định mức chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà định mức đó cao hơn định mức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

i) Không có bản vẽ thiết kế các công trình phụ trợ nhưng đưa khối lượng vào dự toán để tính chi phí xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đưa các tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng sử dụng của thiết bị, vật tư, cấu kiện vào hồ sơ thiết kế;

b) Lập quy trình bảo trì không đúng quy định;

c) Phát hành hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đối với công trình bắt buộc phải có khảo sát địa chất khi chưa có kết quả khảo sát địa chất công trình hoặc không phù hợp với kết quả khảo sát theo quy định;

d) Áp dụng định mức, đơn giá không phù hợp với biện pháp thi công, hồ sơ thiết kế, chế độ, chính sách theo quy định; tính toán, xác định khối lượng để đưa vào dự toán không căn cứ vào các thông số trên bản vẽ thiết kế;

đ) Không sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với công trình theo quy định phải sử dụng;

e) Thiết kế không tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề từ 6 tháng đến 12 tháng của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế tùy theo mức độ vi phạm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập lại dự toán theo đúng quy định đối với hành vi quy định tại Điểm e, Điểm g, Điểm h, Điểm i Khoản 2 và Điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Buộc thiết kế lại theo kết quả khảo sát địa chất công trình đối với hành vi quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này;

c) Buộc đưa vào thiết kế, dự toán các loại vật liệu xây không nung theo quy định đối với phần còn lại của công trình đang xây dựng đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

d) Buộc nghiệm thu hồ sơ thiết kế theo quy định đối với hành vi quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này;

đ) Buộc lập quy trình bảo trì theo quy định đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

e) Buộc lập thiết kế, dự toán hoặc giá gói thầu theo đúng quy định của Nhà nước làm cơ sở phê duyệt lại giá trúng thầu hoặc giá chỉ định thầu.

Điều 27. Vi phạm quy định về thi công xây dựng

1. Xử phạt hành vi thi công xây dựng không có phương tiện che chắn; để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh; để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ hoặc công trình xây dựng khác trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Xử phạt hành vi thi công xây dựng công trình vi phạm các quy định về xây dựng gây lún, nứt công trình lân cận, công trình hạ tầng kỹ thuật như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ nông thôn hoặc công trình xây dựng khác trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi vi phạm sau đây sau khi công trình đã bị lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng:

a) Thi công xây dựng công trình sai thiết kế được phê duyệt hoặc sai quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình xây dựng được miễn giấy phép xây dựng;

b) Thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng;

c) Thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp;

d) Thi công xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng.

4. Xử phạt đối với nhà thầu tiếp tục thực hiện thi công xây dựng đối với công trình đã bị người có thẩm quyền ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn hoặc công trình khác không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị;

c) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

5. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình gây sụp đổ hoặc có nguy cơ gây sụp đổ công trình lân cận mà không gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người khác như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ nông thôn hoặc công trình xây dựng khác không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại Khoản 1 (trừ hành vi thi công xây dựng không có phương tiện che chắn).

Điều 28. Vi phạm quy định về an toàn trong thi công xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không trang bị đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động trong công trường xây dựng;

b) Lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công mà không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động;

c) Sử dụng thiết bị thi công không có giấy tờ lưu hành, không kiểm định hoặc đã hết thời gian kiểm định;

d) Không có biển báo an toàn;

đ) Không mua các loại bảo hiểm theo quy định;

e) Không có hồ sơ, văn bản, quyết định thành lập tổ chức hệ thống an toàn bảo hộ lao động.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với nhà thầu vi phạm quy định về quy trình phá dỡ công trình xây dựng.

Điều 29. Vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng kết quả của các phòng thí nghiệm chưa hợp chuẩn;

b) Không có biên bản kiểm tra máy móc, thiết bị trước khi đưa vào thi công xây dựng công trình theo quy định;

c) Không hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và tài sản khác của nhà thầu ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao (trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác);

d) Không có nhật ký thi công hoặc ghi nhật ký thi công không đúng quy định;

đ) Không ban hành quyết định thành lập ban chỉ huy công trình kèm theo phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân;

e) Làm thất lạc mốc định vị, mốc giới công trình;

g) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ tài liệu quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tuân thủ quy định của thiết kế về sử dụng vật liệu xây không nung đối với công trình bắt buộc phải sử dụng vật liệu xây không nung;

b) Không lập bản vẽ hoàn công theo quy định hoặc lập bản vẽ hoàn công không đúng thực tế thi công;

c) Vi phạm các quy định về bảo hành công trình.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, thiết bị công nghệ không có chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận đủ tiêu chuẩn chất lượng theo quy định;

b) Không có văn bản phê duyệt của chủ đầu tư về các loại vật liệu chính;

c) Thi công sai thiết kế đã được phê duyệt;

d) Thiếu kết quả thí nghiệm vật liệu xây dựng theo quy định, nghiệm thu chất lượng vật liệu không đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật hoặc thiếu hồ sơ về chất lượng;

đ) Thi công không đúng với biện pháp tổ chức thi công được duyệt;

e) Không lập hệ thống quan trắc biến dạng công trình và công trình lân cận trong quá trình thi công theo quy định.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập hệ thống quản lý chất lượng hoặc có lập hệ thống quản lý chất lượng nhưng không phù hợp với quy mô công trình;

b) Hệ thống quản lý chất lượng không quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận liên quan đến quản lý chất lượng công trình;

c) Không tổ chức giám sát thi công xây dựng trừ trường hợp xây dựng nhà ở riêng lẻ.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ kết quả thí nghiệm của phòng thí nghiệm chưa hợp chuẩn đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc sử dụng vật liệu xây không nung theo quy định đối với phần còn lại của công trình đang xây dựng đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định về giám sát thi công xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có nhật ký giám sát hoặc ghi nhật ký giám sát không đúng quy định;

b) Giám sát thi công không có sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện công tác giám sát thi công không phù hợp với đề cương giám sát.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ký hợp đồng với nhà thầu thi công xây dựng để thực hiện các thí nghiệm vật liệu hoặc kiểm định chất lượng công trình xây dựng do mình giám sát;

b) Thực hiện thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định chất lượng công trình đối với công trình do mình giám sát.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện công việc giám sát thi công theo quy định.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Làm sai lệch kết quả giám sát;

b) Để nhà thầu thi công thi công sai thiết kế đã được phê duyệt; thi công không đúng với hồ sơ thiết kế về kích thước hình học, chủng loại và quy cách vật liệu xây dựng; thi công không đúng với biện pháp tổ chức thi công được duyệt;

c) Để nhà thầu thi công không sử dụng vật liệu xây không nung theo thiết kế đối với công trình theo quy định bắt buộc phải sử dụng vật liệu xây không nung;

d) Nghiệm thu nhưng không có bản vẽ hoàn công bộ phận công trình, hạng mục công trình; ký hồ sơ nghiệm thu khi không có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy kết quả thí nghiệm, kiểm định, giám sát đối với hành vi quy định tại Khoản 3, Điểm a Khoản 5 Điều này;

b) Buộc sử dụng vật liệu xây không nung theo quy định đối với phần còn lại của công trình đang xây dựng đối với hành vi quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng công trình xây dựng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tự tổ chức nghiệm thu;

b) Nghiệm thu không đúng trình tự, thủ tục theo quy định;

c) Xác nhận hồ sơ hoàn thành công trình không đúng quy định;

d) Không lập các văn bản, tài liệu, bản vẽ liên quan đến công trình xây dựng bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đối với trường hợp chủ đầu tư hoặc nhà thầu là người nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi kéo dài thời gian hoàn thiện hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nghiệm thu khi chưa có khối lượng thi công;

b) Nghiệm thu không đúng chất lượng, khối lượng thi công thực tế;

c) Xác nhận hồ sơ hoàn thành công trình không đúng thực tế thi công.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức bàn giao công trình cho chủ sở hữu, chủ sử dụng khi chưa tổ chức nghiệm thu theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ kết quả nghiệm thu, thanh toán, quyết toán đối với hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều này.

Điều 32. Vi phạm của nhà thầu nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam mà không có giấy phép thầu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam theo quy định.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tham gia lập đồ án quy hoạch đô thị mà chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận sự phù hợp về năng lực đối với công việc được đảm nhận.

Mục 3
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC

Điều 33. Vi phạm quy định về ngừng cung cấp điện, cung cấp nước đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện ngừng cung cấp điện, cung cấp nước đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng khi có quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình của người có thẩm quyền.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện ngay việc ngừng cung cấp điện, cung cấp nước đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng.

Điều 34. Vi phạm quy định về thẩm tra, kiểm định, thí nghiệm, đào tạo trong hoạt động xây dựng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lưu trữ hồ sơ thí nghiệm, phiếu nhận mẫu và phiếu kết quả thí nghiệm theo quy định;

b) Không lưu trữ hoặc lưu trữ hồ sơ khóa học không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về thẩm tra sau đây:

a) Hoạt động thẩm tra không đủ điều kiện năng lực theo quy định;

b) Thực hiện thẩm tra không đúng trình tự, thủ tục quy định;

c) Báo cáo kết quả thẩm tra không chính xác.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về kiểm định sau đây:

a) Hoạt động kiểm định không đủ điều kiện năng lực theo quy định;

b) Thực hiện kiểm định chất lượng không đúng trình tự, thủ tục quy định;

c) Báo cáo kết quả kiểm định không chính xác.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về thí nghiệm sau đây:

a) Hoạt động thí nghiệm không đủ điều kiện năng lực theo quy định;

b) Thực hiện các thí nghiệm, cung cấp các số liệu, kết quả thí nghiệm không đúng quy định; báo cáo kết quả thí nghiệm không chính xác; số liệu trên phiếu kết quả thí nghiệm không phù hợp với số liệu trong sổ ghi chép kết quả thí nghiệm.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về đào tạo sau đây:

a) Tuyển sinh học viên không đáp ứng đủ điều kiện đầu vào theo quy định;

b) Không tổ chức đào tạo hoặc tổ chức đào tạo không đủ điều kiện theo quy định mà vẫn cấp giấy chứng nhận;

c) Cấp giấy chứng nhận không theo mẫu quy định;

d) Không thực hiện đúng quy định về công tác báo cáo định kỳ, thông báo thay đổi địa điểm của cơ sở đào tạo.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi đào tạo, cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình; giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng; chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án khi chưa được Bộ Xây dựng công nhận.

7. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép đào tạo từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ kết quả đào tạo và hoàn trả học phí cho học viên đối với hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 5 và Khoản 6 Điều này;

b) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định công nhận Phòng thí nghiệm đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này.

Chương III
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 35. Vi phạm quy định về kinh doanh bất động sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản thuộc diện phải giao dịch qua sàn giao dịch bất động sản mà không thông qua sàn giao dịch bất động sản theo quy định;

b) Không có chức năng kinh doanh bất động sản nhưng thực hiện mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản;

c) Bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản không đúng trình tự, thủ tục quy định;

d) Không xác nhận hoặc xác nhận sai quy định các bất động sản đã thực hiện giao dịch mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua thông qua sàn giao dịch bất động sản;

đ) Xác định vốn pháp định để đăng ký kinh doanh bất động sản không đúng theo quy định;

e) Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác, đầy đủ giấy tờ và các thông tin liên quan đến bất động sản bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua cho khách hàng thực hiện giao dịch bất động sản tại sàn giao dịch bất động sản theo quy định;

g) Không gửi danh sách hoặc gửi danh sách không chính xác đến cơ quan có thẩm quyền để xác nhận danh sách người được phân chia sản phẩm nhà ở theo quy định;

h) Chủ đầu tư dự án kinh doanh bất động sản thuộc đối tượng phải báo cáo nhưng không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo không đúng quy định về tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án bất động sản;

i) Không công khai thông tin về bất động sản theo quy định;

k) Kê khai vốn chủ sở hữu để đăng ký đầu tư dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh bất động sản không đủ điều kiện hoặc không được phép đưa vào kinh doanh theo quy định.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm quy định về huy động vốn hoặc mua bán theo hình thức ứng tiền trước trong đầu tư xây dựng đối với dự án phát triển nhà ở, dự án kinh doanh bất động sản;

b) Vi phạm quy định về chuyển nhượng dự án kinh doanh bất động sản.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về hoạt động kinh doanh bất động sản từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều này nếu tái phạm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp thông tin đầy đủ hoặc cải chính thông tin không chính xác hoặc buộc gửi danh sách đến cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại Điểm e, Điểm g Khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 36. Vi phạm quy định về thành lập và hoạt động sàn giao dịch bất động sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm quy định về thành lập sàn giao dịch bất động sản;

b) Vi phạm quy định về địa điểm hoạt động của sàn giao dịch bất động sản hoặc thay đổi địa chỉ giao dịch mà không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

c) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ về hoạt động của sàn giao dịch bất động sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

d) Hoạt động không đúng quy chế hoạt động đã đăng ký với Sở Xây dựng.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quảng cáo, công bố thông tin liên quan đến giao dịch bất động sản tại sàn giao dịch bất động sản và trên các phương tiện thông tin đại chúng khi chưa được chủ sở hữu bất động sản ủy quyền thực hiện giao dịch;

b) Không niêm yết, công bố thông tin về bất động sản được giao dịch mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua tại sàn giao dịch bất động sản hoặc niêm yết, công bố thông tin không đầy đủ theo quy định;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về phòng, chống rửa tiền trong kinh doanh bất động sản theo quy định;

d) Thực hiện giao dịch mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản qua sàn giao dịch bất động sản không đúng trình tự, thủ tục quy định hoặc khi bất động sản chưa đủ điều kiện giao dịch qua sàn giao dịch bất động sản theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch bất động sản từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này nếu tái phạm.

Điều 37. Vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đào tạo, cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo không đúng quy định;

b) Không báo cáo việc đào tạo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện quảng cáo, đăng tuyển học viên hoặc thực hiện đào tạo mà chưa được Bộ Xây dựng cho phép đào tạo;

b) Không thực hiện đào tạo mà cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép đào tạo từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Không công nhận kết quả đào tạo đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều này tùy theo mức độ vi phạm;

b) Thu hồi hoặc tuyên hủy các giấy chứng nhận đã cấp;

c) Buộc hoàn trả học phí cho học viên đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều này tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 38. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ bất động sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hành nghề môi giới độc lập, định giá bất động sản nhưng không có chứng chỉ hành nghề theo quy định; quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản mà không có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản; thực hiện quản lý vận hành nhà chung cư mà không có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư;

b) Tẩy xóa, sửa chữa, cho mượn, cho thuê hoặc thuê, mượn chứng chỉ hành nghề môi giới, định giá bất động sản để kinh doanh dịch vụ bất động sản hoặc giấy chứng nhận quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư;

c) Vi phạm nguyên tắc hoạt động về môi giới bất động sản, định giá bất động sản.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhân viên môi giới bất động sản, định giá bất động sản không có chứng chỉ hành nghề theo quy định hoặc sử dụng người thuộc đối tượng phải có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư mà chưa có giấy chứng nhận theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không đủ số người có chứng chỉ môi giới, chứng chỉ định giá bất động sản theo quy định.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh dịch vụ bất động sản không đúng quy định;

b) Không đăng ký ngành nghề kinh doanh dịch vụ bất động sản nhưng vẫn hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản, định giá bất động sản từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh bất động sản từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

Chương IV
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 39. Vi phạm quy định về chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng không có nguồn gốc hợp pháp;

b) Sản xuất vật liệu xây dựng không tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

c) Sản xuất vật liệu xây dựng không có tiêu chuẩn chất lượng hoặc không đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đã được công bố.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nguyên liệu amiăng trong sản xuất vật liệu xây dựng không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đầu tư nhà máy chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng vượt công suất được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng không đúng mục đích mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng không có thiết kế khai thác, không tuân thủ quy trình khai thác hoặc không đảm bảo an toàn lao động theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.

Điều 40. Vi phạm quy định về kinh doanh vật liệu xây dựng

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có biện pháp đảm bảo an toàn cho người tại nơi bán hàng vật liệu xây dựng có mùi hóa chất độc hại, gây bụi như: Sơn dầu, giấy dầu, cót ép, hắc ín, vôi tôi, vôi cục và các loại vật liệu xây dựng khác theo quy định;

b) Không có rào che chắn và biển báo nguy hiểm khu vực hố vôi, bể vôi.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không báo cáo việc xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo quy định cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Lưu hành sản phẩm không công bố hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

Chương V
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Mục 1
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC

Điều 41. Vi phạm quy định về bảo vệ khu vực an toàn giếng khai thác nước ngầm

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Đổ phân rác, phế thải xây dựng; chăn nuôi súc vật; trồng cây, hoa màu trong khu vực an toàn giếng nước ngầm.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Đào hố rác, hố phân, hố vôi; chôn súc vật, chất độc hại trong khu vực an toàn giếng nước ngầm.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ khu vực an toàn giếng nước ngầm mà không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi khai thác nước ngầm để phục vụ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khi không được cấp có thẩm quyền cho phép.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 42. Vi phạm quy định về bảo vệ khu vực an toàn nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng các loại công trình trên bờ, trên mặt nước, dưới mặt nước trong khu vực bảo vệ an toàn nguồn nước mặt.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường;

b) Buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP.

Điều 43. Vi phạm quy định về bảo vệ hành lang an toàn tuyến ống nước thô và đường ống truyền tải nước sạch

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Xả rác, nước thải, đổ đất đá, vật liệu xây dựng trong hành lang an toàn tuyến ống nước thô hoặc đường ống truyền tải nước sạch.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đào bới hoặc lấy đất đá trong hành lang an toàn tuyến ống nước thô hoặc đường ống truyền tải nước sạch; lấn chiếm hành lang an toàn tuyến ống nước thô, đường ống truyền tải nước sạch.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tự ý đục tuyến ống nước thô hoặc đường ống truyền tải nước sạch.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Điều 44. Vi phạm quy định về bảo vệ an toàn các công trình kỹ thuật thuộc hệ thống cấp nước

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi xả phân, rác, đổ phế thải xây dựng, phóng uế; chăn nuôi súc vật; trồng cây, rau, hoa màu trong khu vực an toàn các công trình thuộc hệ thống cấp nước.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm các quy định về an toàn, bảo vệ khu vực an toàn đài nước, hồ chứa nước và các công trình kỹ thuật khác thuộc hệ thống cấp nước.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

Điều 45. Vi phạm quy định về bảo vệ, sử dụng mạng lưới cấp nước

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng nước trước đồng hồ đo nước;

b) Làm sai lệch đồng hồ đo nước;

c) Tự ý thay đổi vị trí, cỡ, loại đồng hồ đo nước;

d) Gỡ niêm phong, niêm chì của thiết bị đo đếm nước không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Làm hư hỏng đường ống cấp nước, thiết bị kỹ thuật trong mạng lưới cấp nước;

b) Tự ý đấu nối đường ống cấp nước, thay đổi đường kính ống cấp nước không đúng quy định;

c) Dịch chuyển tuyến ống, các thiết bị kỹ thuật thuộc mạng lưới cấp nước không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp nước sạch cho sinh hoạt không bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn quy định;

b) Không cung cấp nước theo đúng các hợp đồng cấp nước đã ký kết với hộ dùng nước.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 46. Vi phạm quy định về khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi đổ đất, đá, vật liệu, rác xuống sông, hồ, kênh, mương, hố ga, cống, rãnh thoát nước làm cản trở dòng chảy.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xả chất độc hại vào hệ thống thoát nước công cộng;

b) Vi phạm các quy định về bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tự ý đấu nối vào mạng lưới thoát nước, xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, ao, hồ;

b) San, lấp kênh, mương, ao hồ thoát nước công cộng trái quy định;

c) Tự ý dịch chuyển đường ống ngầm, hố ga thoát nước;

d) Xây dựng các loại công trình trên bờ, trên mặt nước, dưới mặt nước trong khu vực bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước trái quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này.

Mục 2
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

Điều 47. Vi phạm quy định về thu gom, vận chuyển, đổ rác thải, phế thải xây dựng và xử lý chất thải rắn thông thường

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không ghi chép và lưu trữ các hồ sơ chất thải theo quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lưu giữ chất thải rắn thông thường không đúng nơi quy định hoặc lưu giữ quá thời gian quy định mà không xử lý;

b) Để chung chất thải rắn thông thường với các loại chất thải nguy hại.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường không theo quy trình công nghệ trong dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

b) Sử dụng công nghệ xử lý chất thải rắn thông thường không phù hợp, gây ô nhiễm môi trường hoặc không đạt tiêu chuẩn các chỉ số về môi trường;

c) Xử lý chất thải rắn thông thường không đúng quy trình, kỹ thuật; không đảm bảo các chỉ số quan trắc về khí thải, môi trường nước, thành phần kim loại nặng, chỉ tiêu lý hóa, chỉ tiêu hữu cơ theo quy định;

d) Không bố trí khoảng cách ly an toàn đối với công trình dân dụng khác theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi quy định tại Khoản 2, Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 3 Điều này;

b) Buộc xử lý chất thải rắn thông thường theo quy trình, kỹ thuật quy định đối với hành vi quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này;

c) Buộc đảm bảo khoảng cách ly an toàn theo quy định đối với hành vi quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này.

Mục 3
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHIẾU SÁNG VÀ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 48. Vi phạm quy định về bảo vệ, sử dụng hệ thống chiếu sáng công cộng

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi trang trí, treo biển quảng cáo và các vật dụng khác vào cột đèn chiếu sáng mà không được phép hoặc được phép nhưng treo không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Làm hư hỏng các trang thiết bị và hệ thống chiếu sáng công cộng;

b) Dịch chuyển trái phép, sử dụng các thiết bị trong hệ thống chiếu sáng công cộng không đúng quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Điều 49. Vi phạm quy định về bảo vệ cây xanh, công viên và vườn hoa

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi đục khoét, đóng đinh vào cây xanh; tự ý ngắt hoa, cắt cành cây; đốt gốc, lột vỏ thân cây, phóng uế hoặc có hành vi khác làm hư hỏng cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây bục bệ bao quanh gốc cây ở đường phố, công viên và những nơi công cộng khác không đúng quy định;

b) Giăng dây, giăng đèn trang trí, treo biển quảng cáo và các vật dụng khác vào cây xanh ở những nơi công cộng, đường phố, công viên không đúng quy định;

c) Chăn, thả gia súc trong công viên, vườn hoa.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đổ phế thải, chất độc hại, vật liệu xây dựng vào gốc cây xanh hoặc tự ý xâm hại, cản trở sự phát triển của cây xanh trong khu vực đô thị;

b) Trồng cây xanh trên hè, dải phân cách, đường phố, nút giao thông và khu vực công cộng không đúng quy định;

c) Trồng các loại cây trong danh mục cây cấm trồng và trồng các loại cây trong danh mục cây trồng hạn chế khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

d) Sử dụng các công trình trong công viên không đúng mục đích;

đ) Làm hư hỏng các công trình văn hóa, dịch vụ, công trình công cộng trong công viên, vườn hoa;

e) Lấn chiếm, xây dựng công trình trên đất cây xanh hiện có hoặc đã được xác định trong quy hoạch đô thị hoặc ngăn cản việc trồng cây xanh theo quy định;

g) Tổ chức, cá nhân được giao quản lý không thực hiện đúng các quy định về duy trì, chăm sóc, phát triển cây xanh đô thị.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự ý chặt hạ, di dời cây xanh; chặt nhánh, tỉa cành, đào gốc, chặt rễ cây xanh không đúng quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2, Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ Khoản 3 Điều này;

b) Buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm theo quy định tại Nghị định số 180/2007NĐ-CP đối với hành vi quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều này.

Mục 4
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NGHĨA TRANG

Điều 50. Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng mộ, bia mộ và các công trình trong nghĩa trang không đúng quy định;

b) Làm hư hại bia, mộ trong nghĩa trang.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) An táng trong các nghĩa trang đã bị đóng cửa theo quy định;

b) Không thực hiện việc di chuyển phần mộ theo quy hoạch xây dựng nghĩa trang hoặc các dự án phát triển đô thị do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tự ý di dời phần mộ trong nghĩa trang không được cơ quan quản lý nghĩa trang cho phép;

d) Cản trở hoặc không thực hiện đúng quy định hoạt động chôn cất, bốc mộ, cải táng, hỏa táng.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phá hoại các công trình công cộng trong nghĩa trang;

b) Lập mộ giả, nghĩa trang giả;

c) Đào bới hoặc xâm hại phần mộ mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Mục 5
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH NGẦM VÀ SỬ DỤNG CHUNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ

Điều 51. Vi phạm quy định về sử dụng công trình ngầm đô thị

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đấu nối trái phép các đường dây, đường ống ngầm;

b) Sử dụng hệ thống tuy nen, hào kỹ thuật không có giấy phép hoặc không đúng mục đích; tự ý đào bới, dịch chuyển, đấu nối tuy nen, hào kỹ thuật; vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ an toàn các công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả*:* Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Điều 52. Vi phạm quy định về quản lý, vận hành, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi được giao quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật mà không có biện pháp che chắn, không lắp đặt biển báo, không ban hành các quy định về bảo vệ an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình hạ tầng kỹ thuật.

Điều 53. Vi phạm quy định về quản lý và sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cản trở việc lắp đặt, vận hành, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị theo hợp đồng đã ký;

b) Vi phạm các quy định về quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt, quản lý, vận hành đường dây, cáp viễn thông, điện lực, chiếu sáng công cộng, đường ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng và thiết bị vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không tuân thủ quy hoạch đô thị, không có giấy phép xây dựng theo quy định hoặc sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

Chương VI
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ CÔNG SỞ

Điều 54. Vi phạm quy định về phát triển nhà ở

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không công khai các thông tin về dự án nhà ở hoặc công khai không đầy đủ, không chính xác các thông tin về dự án nhà ở đang triển khai thực hiện theo quy định;

b) Không báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

c) Phân hạng nhà chung cư không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không dành quỹ đất hoặc dành không đủ diện tích đất trong dự án phát triển nhà ở thương mại để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định;

b) Không đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo dự án đã được phê duyệt;

c) Triển khai dự án chậm tiến độ đã được phê duyệt.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc công khai các thông tin theo quy định đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc dành quỹ đất theo quy định để xây dựng nhà ở xã hội đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Điều 55. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng nhà ở

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quảng cáo, viết, vẽ bên ngoài nhà ở trái quy định;

b) Chăn nuôi gia súc, gia cầm tại phần sở hữu chung hoặc phần sử dụng chung; chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khu vực thuộc sở hữu riêng hoặc sử dụng riêng làm ảnh hưởng đến trật tự, mỹ quan và môi trường sống của các hộ khác và khu vực công cộng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng nhà chung cư sau đây:

a) Xả rác thải, nước thải, khí thải, chất độc hại bừa bãi, gây thấm, dột, ô nhiễm môi trường;

b) Sử dụng kinh phí quản lý vận hành hoặc kinh phí bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư không đúng quy định;

c) Sử dụng màu sắc sơn, trang trí mặt ngoài căn hộ, nhà chung cư trái quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng nhà chung cư sau đây:

a) Kinh doanh nhà hàng, karaoke, vũ trường;

b) Sửa chữa xe máy; kinh doanh gia súc, gia cầm; hoạt động giết mổ gia súc;

c) Tự ý cơi nới, chiếm dụng diện tích, không gian hoặc làm hư hỏng tài sản thuộc phần sở hữu chung hoặc phần sử dụng chung dưới mọi hình thức; đục phá, cải tạo, tháo dỡ kết cấu của phần sở hữu chung, phần sở hữu riêng hoặc phần sử dụng riêng; thay đổi phần kết cấu chịu lực, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị sử dụng chung, kiến trúc bên ngoài của nhà chung cư;

d) Phân chia, chuyển đổi mục đích sử dụng phần sở hữu chung hoặc phần sử dụng chung trái quy định;

đ) Kinh doanh gas hoặc các vật liệu nổ, dễ cháy.

4. Xử phạt đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng nhà biệt thự tại khu vực đô thị như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này hoặc hành vi tự ý phá bỏ cây cổ thụ trong khuôn viên nhà biệt thự;

c) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tự ý phá dỡ hoặc cải tạo làm thay đổi quy hoạch (mật độ xây dựng, số tầng và độ cao), kiểu dáng kiến trúc bên ngoài đối với biệt thự nhóm 2 theo quy định;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi tự ý phá dỡ hoặc cải tạo làm thay đổi quy hoạch (mật độ xây dựng, số tầng và độ cao), kiểu dáng kiến trúc, hình ảnh nguyên trạng đối với biệt thự nhóm 1 theo quy định.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về quản lý nhà ở sau đây:

a) Lấn chiếm nhà ở, lấn chiếm không gian xung quanh nhà ở hoặc chiếm dụng diện tích nhà ở trái pháp luật;

b) Không thực hiện phá dỡ nhà ở theo quy định hoặc không chấp hành quyết định về phá dỡ nhà ở của cơ quan có thẩm quyền;

c) Sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước mà cơi nới, sửa chữa, cải tạo nhà ở không được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2, Điểm d Khoản 3, Điểm c, Điểm d Khoản 4 và Điểm a Khoản 5 Điều này;

b) Buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại Điểm d Khoản 3, Điểm c, Điểm d Khoản 4, Điểm a Khoản 5 Điều này.

Điều 56. Vi phạm quy định về giao dịch nhà ở

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cho mượn, ủy quyền quản lý nhà ở hoặc cho thuê nhà ở mà không lập hợp đồng theo quy định;

b) Không thực hiện công chứng hoặc chứng thực hợp đồng về nhà ở theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước không đúng đối tượng hoặc không đúng điều kiện theo quy định;

b) Thực hiện bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng hoặc không đúng điều kiện quy định;

c) Người được thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, người thuê mua nhà ở thực hiện chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê lại, cho mượn nhà ở không được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tổ chức nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam không đúng đối tượng, không đúng điều kiện theo quy định.

4. Phạt tiền đối với cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sở hữu nhà ở tại Việt Nam không đúng đối tượng hoặc không đúng điều kiện quy định;

b) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sở hữu nhà ở tại Việt Nam không đúng số lượng hoặc không đúng loại nhà ở theo quy định.

Điều 57. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng nhà công sở

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi sử dụng các thiết bị đun, nấu cá nhân trong phòng làm việc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thương mại tại công sở.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi để các vật liệu nổ trong phòng làm việc.

Chương VII
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 58. Vi phạm quy định về hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên ngành xây dựng

Tổ chức, cá nhân có hành vi chống đối hoặc cản trở người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra trong các lĩnh vực hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo hình thức, mức phạt đối với hành vi chống đối hoặc cản trở người thi hành công vụ được quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Chương VIII
THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 59. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này bao gồm:

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 67, Điều 68 và Điều 69 Nghị định này.

2. Công chức thuộc Ủy ban nhân dân các cấp được giao nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện vi phạm hành chính trong những lĩnh vực quy định tại Nghị định này.

3. Công chức, thanh tra viên thuộc cơ quan thanh tra nhà nước ngành Xây dựng được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra chuyên ngành độc lập hoặc thanh tra theo đoàn thanh tra.

4. Công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước về: Hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

5. Người có thẩm quyền xử phạt thuộc Công an nhân dân được lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại Điều 58 Nghị định này.

6. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Quản lý thị trường quy định tại Điều 45 Luật xử lý vi phạm hành chính có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 40 Nghị định này.

Điều 60. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định này chỉ được phép xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi thẩm quyền; trường hợp hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền thì phải lập biên bản vi phạm hành chính, chuyển cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt.

2. Khi áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản hoặc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính về Thanh tra Sở Xây dựng.

3. Trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của nhiều người thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

4. Thẩm quyền phạt tiền quy định tại Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 66, Điều 67, Điều 68 và Điều 69 của Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức; thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức.

Điều 61. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra viên xây dựng

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.

3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Điều 62. Thẩm quyền xử phạt của Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành

1. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Sở Xây dựng có thẩm quyền xử phạt như sau:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ Xây dựng có thẩm quyền xử phạt như sau:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng đối với lĩnh vực xây dựng; đến 210.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: Kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Điều 63. Thẩm quyền xử phạt của Chánh thanh tra Sở Xây dựng

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Điều 64. Thẩm quyền xử phạt của Chánh thanh tra Bộ Xây dựng

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền:

a) Đến 300.000.000 đồng đối với lĩnh vực: Kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở;

b) Đến 1.000.000.000 đồng đối với lĩnh vực xây dựng.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Điều 65. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

Người có thẩm quyền xử phạt thuộc Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại Điều 58 Nghị định này.

Điều 66. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường

Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Quản lý thị trường xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 40 Nghị định này.

Điều 67. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền đến 10.000.000 đồng.

3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm đ Khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Điều 68. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Điều 69. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền:

a) Đến 300.000.000 đồng đối với lĩnh vực: Kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở;

b) Đến 1.000.000.000 đồng đối với lĩnh vực xây dựng.

3. Tước quyền sử dụng Giấy phép xây dựng, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 70. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hành vi vi phạm hành chính đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện hoặc cưỡng chế thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với hành vi xây dựng không phép, xây dựng sai phép, xây dựng sai thiết kế được phê duyệt theo quy định của Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở, mà đã ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ, nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực vẫn chưa thực hiện thì cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ xem xét, xử lý theo quy định tại Khoản 9, Khoản 10 Điều 13 của Nghị định này.

Điều 71. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2013, thay thế Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Điều 72. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng